

Số: 636 /QĐ-TCTK

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Phương án Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam năm 2024

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 03/2023/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 143/QĐ-BKHĐT ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ủy quyền cho Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ký quyết định ban hành phương án điều tra thống kê được phân công trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 613/QĐ-TCTK ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc ban hành Kế hoạch điều tra thống kê năm 2024 của Tổng cục Thống kê;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam năm 2024 tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 2. Giao Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê chủ trì, phối hợp với Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường, Vụ Thống kê Giá, các đơn vị có liên quan của Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức thực hiện khảo sát theo đúng Phương án quy định.

Điều 3. Cục trưởng Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê, Vụ trưởng Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường, Vụ trưởng Vụ Thống kê Giá, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê, Chánh Văn phòng Tổng cục, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để báo cáo);
- Lãnh đạo Tổng cục Thống kê;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: VT, TTDL (10).

TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hương



PHƯƠNG ÁN

Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam năm 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số 636/QĐ-TCTK ngày 17 tháng 7 năm 2023
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU KHẢO SÁT

1. Mục đích

Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam năm 2024 (viết tắt là KSMS 2024) là điều tra mẫu thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia được thực hiện nhằm mục đích: (i) thu thập thông tin, tổng hợp và biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia về mức sống hộ dân cư để đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê trong việc đánh giá thực trạng đời sống của dân cư; đo lường nghèo và phân hóa giàu nghèo trong cộng đồng dân cư; (ii) thu thập thông tin tính quyền số chỉ số giá tiêu dùng cho giai đoạn 2025-2030 phục vụ hoạch định chính sách, kế hoạch, giám sát và đánh giá một số chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Yêu cầu

- Thực hiện khảo sát đúng các nội dung quy định trong Phương án.
- Bảo mật thông tin thu thập từ các đối tượng khảo sát theo quy định của Luật Thống kê.
- Quản lý và sử dụng kinh phí của cuộc khảo sát đúng chế độ hiện hành, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả.
- Kết quả khảo sát phải đáp ứng yêu cầu của người dùng tin trong và ngoài nước; đảm bảo tính so sánh quốc tế.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ KHẢO SÁT

1. Phạm vi khảo sát

KSMS 2024 được tiến hành trên phạm vi 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (viết gọn là tỉnh).

2. Đối tượng khảo sát

Đối tượng của KSMS 2024 bao gồm:

- Hộ dân cư (viết gọn là hộ) và các thành viên hộ;
- Các xã có hộ được chọn khảo sát (viết gọn là xã).

3. Đơn vị khảo sát

Đơn vị khảo sát trong cuộc khảo sát này là hộ và xã được chọn khảo sát.

Hộ là một hoặc một nhóm người ăn chung, ở chung từ 6 tháng trở lên trong 12 tháng qua và có chung quỹ thu chi.

Thành viên hộ là những người thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

(1) Cùng ăn, ở chung trong hộ từ 6 tháng trở lên trong 12 tháng qua.

(2) Có chung quỹ thu chi, nghĩa là mọi khoản thu nhập của thành viên đều được đóng góp vào ngân sách chung của hộ và mọi khoản chi tiêu của họ đều lấy từ ngân sách đó.

Chủ hộ: Chủ hộ là người có vai trò điều hành, quản lý gia đình, giữ vị trí chủ yếu, quyết định những công việc của hộ. Thông thường (nhưng không nhất thiết) chủ hộ là người có thu nhập cao nhất trong hộ, nắm được tất cả các hoạt động kinh tế và nghề nghiệp của các thành viên khác của hộ. Đa số chủ hộ theo khái niệm trên trùng với chủ hộ theo đăng ký hộ khẩu, nhưng có trường hợp chủ hộ trong cuộc khảo sát này khác với chủ hộ theo đăng ký hộ khẩu.

Trong cuộc khảo sát này, có 5 trường hợp ngoại lệ dưới đây được coi là thành viên của hộ, cụ thể:

(1) Chủ hộ không ăn, ở trong hộ hơn 6 tháng.

(2) Trẻ em sinh ra chưa đầy 6 tháng.

(3) Những người tuy mới ở trong hộ chưa đủ 6 tháng nhưng tương lai sẽ ở lâu dài trong hộ, kể cả đã có hoặc chưa có giấy chứng nhận (giấy đăng ký kết hôn, giấy chuyển đến, giấy xuất ngũ về với gia đình...). Những người này bao gồm: con dâu về nhà chồng, con rể về nhà vợ, người đi làm việc, học tập, lao động ở nước ngoài hoặc ở các cơ quan, xí nghiệp trong nước trở về hộ, người từ lực lượng vũ trang trở về, về nghỉ hưu, nghỉ mất sức,...

(4) Học sinh, sinh viên, những người đi làm việc, đi học ở nơi khác trong nước và những người đi chữa bệnh trong/ngoài nước trên 6 tháng nhưng hộ phải nuôi.

(5) Khách, họ hàng đến chơi đã ở trong hộ 6 tháng trở lên và hộ phải nuôi toàn bộ.

Trong cuộc khảo sát này, có 2 trường hợp ngoại lệ dưới đây không được coi là thành viên của hộ, cụ thể:

(1) Người giúp việc có gia đình riêng sống ở nơi khác, bản thân có quỹ thu chi riêng và đang ở chung nhà, ăn chung với hộ.

(2) Người chuyển khỏi hộ có tính chất lâu dài; người chết trong 12 tháng qua, mặc dù họ đã từng sống trong hộ hơn 6 tháng.

III. LOẠI ĐIỀU TRA

KSMS 2024 là cuộc điều tra mẫu. Mẫu được thiết kế nhằm cung cấp các ước lượng tin cậy về thu nhập, nghèo đa chiều, chi tiêu, chi mua/đổi hàng hóa/dịch vụ tiêu dùng để tính toán quyền số chỉ số giá tiêu dùng và các chỉ tiêu đánh giá mức sống khác.

KSMS 2024 được thiết kế theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng hai giai đoạn:

Giai đoạn 1: Chọn địa bàn khảo sát

Các địa bàn khảo sát của từng tỉnh, thành phố được chọn từ mẫu chủ. Mẫu chủ được lập từ dàn mẫu của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019.

Giai đoạn 2: Chọn hộ khảo sát

Trong mỗi địa bàn được chọn, tiến hành chọn hộ khảo sát theo phương pháp ngẫu nhiên hệ thống.

Cục Thu thập dữ liệu và Ứng dụng công nghệ thông tin thống kê (viết gọn là Cục TTDL) thực hiện chọn địa bàn khảo sát. Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (viết gọn là Cục Thống kê) thực hiện rà soát, cập nhật địa bàn, cập nhật danh sách hộ, chọn hộ khảo sát của các địa bàn được chọn theo hướng dẫn.

Cục TTDL phân bổ và gửi danh sách các địa bàn đã chọn theo từng kỳ khảo sát cho Cục Thống kê để rà soát, cập nhật phục vụ việc chọn hộ khảo sát. Danh sách hộ của các địa bàn được chọn phải lưu giữ tại Cục Thống kê và tải lên Trang thông tin điện tử của KSMS 2024 vào ngày 25 tháng trước của tháng khảo sát để thực hiện chọn hộ.

Phương pháp chọn địa bàn khảo sát và chọn hộ khảo sát được quy định chi tiết tại Phụ lục.

IV. THỜI ĐIỂM, THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT

1. Thời điểm khảo sát

Thời điểm khảo sát là ngày điều tra viên (ĐTV) trực tiếp phỏng vấn và ghi phiếu tại hộ (đối với các phiếu hộ), nhân trắc viên trực tiếp cân đo các thành viên hộ dưới 16 tuổi và ghi thông tin vào phiếu (đối với nội dung về nhân trắc), đội trưởng phỏng vấn và ghi phiếu tại xã (đối với phiếu xã) trong khoảng thời gian khảo sát được quy định tại Mục 3, Phần IV Phương án này.

2. Thời kỳ khảo sát

Các chỉ tiêu thời kỳ trong cuộc khảo sát này có thời kỳ khảo sát (tham chiếu) là 30 ngày, 3 tháng hoặc 12 tháng trước thời điểm khảo sát. Thời kỳ khảo sát được quy định cụ thể tại phiếu khảo sát.

3. Thời gian khảo sát

KSMS 2024 được tiến hành trong 4 kỳ vào tháng 2, 5, 8 và 11 năm 2024. Thời gian thu thập thông tin tại địa bàn mỗi kỳ là 25 ngày (bao gồm cả thời gian di chuyển), bắt đầu vào ngày 01 đến ngày 25.

4. Phương pháp khảo sát

KSMS 2024 áp dụng phương pháp phỏng vấn và cân đo trực tiếp. ĐTV, nhân trắc viên và đội trưởng sử dụng phiếu điện tử được cài đặt trên thiết bị điện tử thông minh (CAPI) để thu thập thông tin.

- ĐTV có trách nhiệm đến gặp trực tiếp chủ hộ và những thành viên trong hộ có liên quan để phỏng vấn và ghi thông tin vào phiếu phỏng vấn hộ trên CAPI.

- Nhân trắc viên cân đo trực tiếp thành viên dưới 16 tuổi của hộ khảo sát và ghi thông tin vào phần nhân trắc trong phiếu CAPI.

- Đội trưởng đội khảo sát phỏng vấn lãnh đạo xã và người có liên quan, ghi thông tin vào phiếu phỏng vấn xã trên CAPI.

Để bảo đảm chất lượng thông tin thu thập, ĐTV, nhân trắc viên và đội trưởng không được sao chép thông tin từ các nguồn có sẵn khác vào phiếu điện tử.

V. NỘI DUNG, PHIẾU KHẢO SÁT

1. Nội dung khảo sát đối với hộ

Nội dung khảo sát đối với hộ và các thành viên hộ gồm:

- Thông tin định danh của hộ.
- Thông tin của thành viên hộ về nhân khẩu học, giáo dục, y tế, nhân trắc, việc làm và tiền lương, tiền công.
- Thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ tạo thu nhập và các khoản thu nhập khác của hộ.
- Thông tin về chi tiêu của hộ, gồm: chi cho ăn, mặc, ở, đi lại, giáo dục, y tế, văn hoá, ... và chi khác.
- Thông tin về điều kiện sống của hộ gồm: Nhà ở, điện, nguồn nước sử dụng, điều kiện vệ sinh và đồ dùng lâu bền.
- Thông tin về công nghệ thông tin và truyền thông.

2. Nội dung khảo sát đối với xã

Thu thập thông tin phản ánh điều kiện sống trong phạm vi xã ảnh hưởng đến mức sống của hộ, gồm:

- Tình hình chung về nhân khẩu, dân tộc.

- Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chủ yếu: hiện trạng điện, đường, trường học, trạm y tế, chợ, bưu điện và nguồn nước.

- Tình trạng kinh tế: tình hình sản xuất nông nghiệp (đất đai, xu hướng và nguyên nhân tăng giảm sản lượng các cây trồng chính, các điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất như tưới tiêu, khuyến nông); cơ hội việc làm phi nông nghiệp.

- Một số thông tin cơ bản về trật tự an toàn xã hội, môi trường, tín dụng và tiết kiệm.

3. Phiếu khảo sát

Cuộc khảo sát sử dụng các loại phiếu khảo sát sau:

- Phiếu số 1A/TN-QSG24-HO: Phiếu phỏng vấn hộ (thu nhập và quyền sở chỉ số giá tiêu dùng).

- Phiếu số 1B/TNCT24-HO: Phiếu phỏng vấn hộ (thu nhập và chi tiêu).

- Phiếu số 1C/QSG24-HO: Phiếu phỏng vấn hộ (quyền sở chỉ số giá tiêu dùng).

- Phiếu số 2/KSMS24-XA: Phiếu phỏng vấn xã.

VI. PHÂN LOẠI THỐNG KÊ SỬ DỤNG TRONG KHẢO SÁT

KSMS 2024 sử dụng các danh mục và bảng phân loại thống kê sau:

1. Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ cập nhật đến thời điểm rà soát địa bàn mẫu.

2. Danh mục giáo dục, đào tạo của Hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Danh mục nghề nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Danh mục các dân tộc Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 121-TCTK/PPCĐ ngày 02 tháng 3 năm 1979 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

VII. QUY TRÌNH XỬ LÝ VÀ TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT

1. Quy trình xử lý thông tin

Sau khi hoàn thành việc điền thông tin của hộ khảo sát, xã khảo sát vào phiếu điện tử, ĐTV, nhân trực viên và đội trưởng thực hiện đồng bộ dữ liệu về hệ thống máy chủ của Tổng cục Thống kê.

Giám sát viên các cấp thực hiện việc giám sát, phúc tra, kiểm tra thông tin, hoàn thiện và nghiệm thu số liệu.

2. Tổng hợp kết quả khảo sát

Vụ Thống kê Xã hội và Môi trường (viết gọn là Vụ XHMT) chủ trì, phối hợp với Vụ Thống kê Giá (viết gọn là Vụ TKG) và các đơn vị liên quan để thiết kế biểu tổng hợp kết quả đầu ra và hướng dẫn cách tính chi tiết cho từng chỉ tiêu tương ứng với biểu và phiếu phỏng vấn.

Cục TTDL chủ trì xây dựng phần mềm, công cụ để tổng hợp các chỉ tiêu theo mẫu biểu.

VIII. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH¹

KSMS 2024 được thực hiện theo kế hoạch sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1	Xây dựng và hoàn thiện Phương án khảo sát	Tháng 5 - 7/2023	Cục TTDL	Vụ XHMT, Vụ TKG, đơn vị liên quan
2	Thiết kế và hoàn thiện phiếu khảo sát	Tháng 5 - 12/2023	Cục TTDL	Vụ XHMT, Vụ TKG
3	Thiết kế biểu đầu ra và hướng dẫn cách tính	Tháng 12/2023	Vụ XHMT, Vụ TKG	Cục TTDL
4	Xây dựng Sổ tay nghiệp vụ và các tài liệu khác	Tháng 6 - 12/2023	Cục TTDL	Vụ XHMT, Vụ TKG
5	Chọn và phân bổ địa bàn khảo sát	Tháng 12/2023	Cục TTDL	Vụ XHMT, Vụ TKG
6	Xây dựng các chương trình phần mềm (bao gồm xây dựng yêu cầu về thiết kế bảng hỏi, yêu cầu chức năng của các phần mềm)	Tháng 8/2023-01/2024	Cục TTDL	Vụ XHMT, Vụ TKG
7	In tài liệu	Tháng 01/2024	Cục TTDL, CTK	Đơn vị liên quan
8	Tổ chức hội nghị tập huấn cấp trung ương và cấp tỉnh	Tháng 01/2024	Cục TTDL, CTK	Vụ XHMT, Vụ TKG, VPTC, đơn vị liên quan
9	Rà soát và cập nhật địa bàn mẫu, cập nhật bảng kê hộ và chọn hộ khảo sát	Ngày 25 các tháng 1, 4, 7 và 10 năm 2024	CTK	Cục TTDL

¹ Các chữ viết tắt trong bảng:

VPTC: Văn phòng Tổng cục.

Vụ KHTC: Vụ Kế hoạch tài chính.

Vụ PCTT: Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê.

CTK: Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
10	Thu thập thông tin tại địa bàn	Tháng 2, 5, 8 và 11 năm 2024	CTK	Cục TTDL, đơn vị liên quan
11	Kiểm tra, phúc tra, giám sát việc khảo sát tại địa bàn	Hàng kỳ	Cục TTDL, CTK	Vụ XHMT, Vụ TKG, Vụ PCTT, đơn vị liên quan
12	Kiểm tra, nghiệm thu dữ liệu	Hàng kỳ	Cục TTDL, CTK	Vụ XHMT, Vụ TKG
13	Xử lý số liệu khảo sát	Tháng 3/2024 - 3/2025	Cục TTDL	Vụ XHMT, Vụ TKG
14	Tổng hợp kết quả sơ bộ	Tháng 3, 6, 9, và 12 năm 2024	Cục TTDL	Vụ XHMT, Vụ TKG
15	Tổng hợp kết quả chính thức	Tháng 2-3/2025	Cục TTDL	Vụ XHMT, Vụ TKG
16	Chuẩn bị công bố kết quả khảo sát	Tháng 4/2025	Vụ XHMT, Vụ TKG	Cục TTDL

IX. TỔ CHỨC ĐIỀU TRA

1. Công tác chuẩn bị

a) Chọn, rà soát và cập nhật mẫu khảo sát

Cục TTDL thực hiện chọn, phân bổ và gửi danh sách các địa bàn mẫu theo từng kỳ khảo sát tới Cục Thống kê.

Cục Thống kê rà soát, cập nhật địa bàn mẫu, cập nhật bảng kê hộ và chọn hộ khảo sát theo hướng dẫn.

b) Tuyển chọn điều tra viên, nhân trắc viên và đội trưởng

Cuộc khảo sát có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực của đời sống, xã hội, trong đó có các lĩnh vực nhạy cảm nên ĐTV và đội trưởng phải là người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ thống kê, có kinh nghiệm phỏng vấn khai thác thông tin, thông thạo địa bàn, có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình và có sức khỏe. Nhân trắc viên là người có kiến thức về y tế, có phương tiện để thực hiện cân đo và có thể thực hiện việc cân, đo nhân trắc, ưu tiên nhân viên tại trạm y tế xã/phường/thị trấn.

Tại mỗi quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có địa bàn khảo sát cần lập 01 đội khảo sát gồm 02 - 05 ĐTV, 01 nhân trắc viên và 01 đội trưởng. Đội trưởng là lãnh đạo hoặc công chức có kinh nghiệm của Chi cục Thống kê quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (viết gọn là Chi cục Thống kê) hoặc của Cục Thống kê.

ĐTV có trách nhiệm trực tiếp đến các hộ được phân công để thu thập thông tin và điền trực tiếp vào phiếu khảo sát điện tử.

Nhân trắc viên có trách nhiệm trực tiếp đến các hộ được phân công để đo chiều cao, cân nặng của các thành viên hộ dưới 16 tuổi và điền trực tiếp vào phiếu khảo sát điện tử.

Đội trưởng có trách nhiệm tổ chức thực hiện toàn bộ công việc khảo sát tại địa bàn được phân công; dự phòng vấn của ĐTV; kiểm tra, duyệt và nghiệm thu toàn bộ dữ liệu khảo sát do ĐTV, nhân trắc viên thu thập; thu thập thông tin xã và điền vào phiếu điện tử.

c) Tập huấn nghiệp vụ

Tổ chức tập huấn hai cấp:

**** Cấp trung ương***

Tổng cục Thống kê tổ chức các hội nghị tập huấn trong thời gian 03 ngày, trong đó:

- Hội nghị tập huấn phiếu thu nhập - quyền sở hữu giá tiêu dùng, phiếu thu nhập - chi tiêu. Thời gian: 02 ngày;

- Hội nghị tập huấn phiếu xã, hướng dẫn cài đặt các phần mềm, sử dụng Trang thông tin điện tử của KSMS 2024 và các phiếu điện tử. Thời gian: 01 ngày.

Thành phần tham gia tập huấn gồm:

+ Tổng cục Thống kê: Lãnh đạo và công chức, viên chức của Cục TTDL; Vụ XHMT; Vụ TKG; Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê; Vụ Kế hoạch tài chính; Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê và các đơn vị liên quan khác thuộc Tổng cục Thống kê.

+ Cục Thống kê: Lãnh đạo Cục, lãnh đạo phòng và công chức của Phòng Thu thập thông tin thống kê; lãnh đạo phòng và công chức của Phòng Thống kê Xã hội; lãnh đạo phòng và công chức của Phòng Thống kê Kinh tế.

**** Cấp tỉnh***

Cục Thống kê tổ chức các hội nghị tập huấn trong thời gian 03 ngày, trong đó:

- Hội nghị tập huấn phiếu thu nhập - quyền sở hữu giá tiêu dùng, phiếu thu nhập - chi tiêu. Thời gian: 02 ngày;

- Hội nghị tập huấn phiếu xã, hướng dẫn cài đặt các phần mềm, sử dụng Trang thông tin điện tử của KSMS 2024 và các phiếu điện tử. Thời gian: 01 ngày.

Thành phần tham gia tập huấn là lực lượng tham gia khảo sát ở địa phương, gồm: Giám sát viên, lãnh đạo Chi cục Thống kê có địa bàn khảo sát, đội trưởng, nhân trắc viên và ĐTV.

Nội dung tập huấn gồm: Quán triệt Phương án khảo sát, kế hoạch thực hiện tại địa phương, hướng dẫn chọn hộ, kỹ năng giao tiếp, kỹ thuật phỏng vấn, kỹ thuật cân nặng và đo chiều cao, cách cài đặt trang thông tin và các phiếu điện tử vào thiết bị thông minh, cách điền thông tin vào các phiếu điện tử, cách đồng bộ dữ liệu, kiểm tra và nghiệm thu dữ liệu trực tuyến và các chức năng khác liên quan.

Đặc biệt, ở các hội nghị tập huấn cả hai cấp trung ương và cấp tỉnh cần dành thời gian thích hợp để thảo luận những điểm cần rút kinh nghiệm trong chỉ đạo, thực hiện KSMS các năm trước; nâng cao kỹ năng thực hành phỏng vấn và điền phiếu điện tử cũng như xử lý các lỗi thường gặp.

d) Công tác tuyên truyền

Tổng cục Thống kê phát hành Thư gửi hộ tham gia khảo sát và giao ĐTV giới thiệu đầy đủ nội dung Thư và chuyển tới hộ để động viên, làm rõ mục đích và lợi ích của cuộc khảo sát nhằm giúp hộ xác định được trách nhiệm và vinh dự, sẵn sàng phối hợp và cung cấp thông tin chính xác cho ĐTV và nhân trắc viên.

Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn (viết gọn là UBND xã) có địa bàn khảo sát tổ chức tuyên truyền, vận động các hộ được chọn tham gia khảo sát bằng các hình thức thích hợp.

d) Tài liệu khảo sát

Tài liệu khảo sát bao gồm: Thư gửi hộ, các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ, hướng dẫn sử dụng trang thông tin, sử dụng các phiếu điện tử do Tổng cục Thống kê biên soạn. Cục Thống kê chủ động in và phân phối tại địa phương bảo đảm đủ, đúng thời gian quy định.

e) Chương trình phần mềm

Chương trình phần mềm sử dụng trong khảo sát bao gồm: Chương trình phần mềm phục vụ rà soát và cập nhật đơn vị khảo sát; chương trình chọn mẫu đơn vị khảo sát; chương trình khảo sát trên CAPI; các chương trình quản lý giám sát, kiểm tra và duyệt phiếu điện tử, chương trình tổng hợp kết quả khảo sát...

2. Thu thập thông tin

Cục Thống kê thực hiện thu thập thông tin tại địa bàn khảo sát của 4 kỳ vào tháng 2, 5, 8 và 11 năm 2024.

Tại mỗi xã, phường, thị trấn có địa bàn khảo sát, đội trưởng báo cáo và thống nhất với UBND xã, phường, thị trấn kế hoạch tổ chức thu thập thông tin tại địa phương. Sau khi thống nhất, đội trưởng và cán bộ thôn, ấp, bản, tổ dân phố thông báo kế hoạch phỏng vấn đến hộ để chủ hộ và các thành viên có liên quan trong hộ chủ động sắp xếp công việc, có mặt ở nhà tiếp ĐTV, nhân trắc viên. Kế hoạch phỏng vấn phải thông báo trước thời điểm ĐTV, nhân trắc viên đến phỏng vấn, cân nặng và đo chiều cao khoảng 3-5 ngày.

Đội trưởng lập bảng phân công khối lượng công việc cho từng ĐTV, nhân trắc viên và báo cáo Cục Thống kê để bố trí kế hoạch kiểm tra, giám sát ở địa bàn.

Căn cứ vào kế hoạch do đội trưởng bố trí, ĐTV phải trực tiếp gặp chủ hộ và thành viên trong hộ để phỏng vấn thu thập thông tin, không sử dụng bất kỳ một tài liệu sẵn có nào để thay thế cho phỏng vấn trực tiếp.

Căn cứ vào kế hoạch do đội trưởng bố trí, nhân trắc viên phải trực tiếp gặp các thành viên dưới 16 tuổi của hộ để cân nặng và đo chiều cao, không sử dụng bất kỳ một tài liệu sẵn có nào để lấy thông tin nhân trắc.

ĐTV và nhân trắc viên phải tuân thủ quy trình phỏng vấn hộ được quy định trong Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ KSMS 2024.

Quy định từ khâu thu thập thông tin đến khi hoàn thiện phiếu được nghiệm thu, mỗi ĐTV hoàn thành 01 hộ trong 2,5 ngày đối với phiếu 1A/TN-QSG24-HO, 02 ngày đối với phiếu 1B/TNCT24-HO, 1,5 ngày đối với phiếu 1C/QSG24-HO; mỗi nhân trắc viên hoàn thành 01 địa bàn trong 05 ngày; mỗi đội trưởng hoàn thành 1 phiếu xã trong 02 ngày.

3. Công tác kiểm tra, giám sát

Nhằm bảo đảm chất lượng của cuộc khảo sát, công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện ở tất cả các khâu của cuộc khảo sát.

Cục TTDL chịu trách nhiệm xây dựng trình Lãnh đạo Tổng cục và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát của Tổng cục Thống kê đối với KSMS 2024. Lực lượng giám sát, kiểm tra bao gồm lãnh đạo và công chức, viên chức của Cục TTDL, Vụ XHMT, Vụ TKG, Vụ Kế hoạch tài chính và các đơn vị liên quan.

Cục trưởng Cục Thống kê chịu trách nhiệm xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát của Cục Thống kê đối với KSMS 2024 tại địa phương. Lực lượng kiểm tra, giám sát ở địa phương là lãnh đạo, công chức Phòng Thu thập thông tin thống kê, Phòng Thống kê Xã hội, Phòng Thống kê kinh tế và các phòng liên quan khác.

Nội dung kiểm tra, giám sát tập trung vào việc tổ chức và thực hiện các quy trình khảo sát, quy trình cân đo, thực hiện quy định đến phỏng vấn đúng hộ, cân đo đúng đối tượng đã phân công cho ĐTV và nhân trắc viên, cách phỏng vấn, kỹ thuật cân đo và điền phiếu điện tử của ĐTV và nhân trắc viên, việc chấp hành các thủ tục hành chính.

Đội trưởng chịu trách nhiệm dự phỏng vấn của ĐTV, dự cân đo của nhân trắc viên để kiểm tra kỹ năng giao tiếp, việc thu thập, việc cân đo và điền thông tin vào phiếu khảo sát điện tử; kiểm tra tất cả phiếu khảo sát đã hoàn thành của đội; hỗ trợ ĐTV, nhân trắc viên về chuyên môn nghiệp vụ cũng như kỹ năng liên quan đến các phiếu điện tử.

Giám sát viên kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện khảo sát của các đội khảo sát theo đúng kế hoạch, kiểm tra thông tin của các hộ khảo sát đã được đội trưởng xác nhận hoàn thành, hỗ trợ ĐTV, nhân trắc viên và đội trưởng về chuyên môn nghiệp vụ cũng như kỹ năng liên quan đến các phiếu điện tử.

Giám sát viên cấp trung ương kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện khảo sát của các Cục Thống kê theo đúng kế hoạch, kiểm tra thông tin của các hộ khảo sát đã được giám sát viên cấp tỉnh xác nhận nghiệm thu hoặc đội trưởng đội khảo sát xác nhận hoàn thành, hỗ trợ ĐTV, nhân trắc viên, đội trưởng và giám sát viên cấp tỉnh về chuyên môn nghiệp vụ cũng như kỹ năng liên quan đến các phiếu điện tử và Trang thông tin của KSMS 2024.

4. Công tác phúc tra

Cục Thống kê chọn ngẫu nhiên 10% số hộ đã phỏng vấn để thực hiện phúc tra theo phiếu Phúc tra hộ (Phiếu số 3/KSMS24-PT) trên CAPI nhằm đánh giá chất lượng cuộc khảo sát. Để bảo đảm chất lượng của phúc tra, Cục Thống kê cần lựa chọn người có kinh nghiệm, nắm vững nghiệp vụ, sử dụng thành thạo các phiếu điện tử KSMS 2024, có trách nhiệm cao trực tiếp tới hộ được chọn để phúc tra. Khi thực hiện phúc tra, phúc tra viên tuyệt đối không để lộ thông tin của hộ được chọn phúc tra.

5. Nghiệm thu, xử lý thông tin và công bố kết quả

a) Nghiệm thu phiếu khảo sát

- Cục TTDL chủ trì nghiệm thu dữ liệu khảo sát hằng kỳ trên phạm vi cả nước.
- Cục Thống kê chủ trì nghiệm thu dữ liệu khảo sát hằng kỳ trên phạm vi tỉnh.

Quy trình nghiệm thu như sau:

(1) Đội trưởng nghiệm thu và xác nhận từng phiếu khảo sát điện tử đã hoàn thành của các ĐTV, nhân trắc viên trong đội.

(2) Giám sát viên cấp tỉnh kiểm tra và nghiệm thu dữ liệu khảo sát của tất cả các địa bàn khảo sát trên Trang thông tin điện tử KSMS 2024.

(3) Giám sát viên cấp trung ương kiểm tra và nghiệm thu dữ liệu khảo sát cấp tỉnh.

b) Xử lý thông tin

Cục TTDL chủ trì phối hợp với Vụ XHMT, Vụ TKG và Cục Thống kê thực hiện kiểm tra, làm sạch và hoàn thiện cơ sở dữ liệu khảo sát phục vụ tổng hợp và phân tích kết quả khảo sát; thực hiện tính quyền số và tổng hợp kết quả đầu ra theo yêu cầu.

c) Công bố kết quả khảo sát

Kết quả KSMS 2024 được công bố vào tháng 4/2025.

6. Tổ chức thực hiện

a) Cục TTDL: Chủ trì, phối hợp với Vụ XHMT, Vụ TKG và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai KSMS 2024 gồm: Xây dựng phương án khảo sát; phiếu khảo sát; thiết kế và chọn mẫu; xây dựng các chương trình phần mềm (bao gồm việc yêu cầu xây dựng chương trình và kiểm thử phần mềm); biên soạn các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ khảo sát và hướng dẫn sử dụng phần mềm; tổ chức tập huấn; kiểm tra, giám sát; nghiệm thu dữ liệu khảo sát; tính quyền số suy rộng; thiết kế mẫu biểu sử dụng chung và tổng hợp kết quả khảo sát;...

b) Vụ XHMT: Chủ trì, phối hợp với Vụ TKG xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra, kiểm tra hệ biểu tổng hợp kết quả đầu ra, phân tích và chuẩn bị công bố kết quả khảo sát. Phối hợp với Cục TTDL và các đơn vị liên quan trong việc xây dựng phương án, phiếu khảo sát; xây dựng các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ khảo sát; tổ chức tập huấn; kiểm tra, giám sát; nghiệm thu, làm sạch và hoàn thiện cơ sở dữ liệu;...

c) Vụ TKG: Phối hợp với Cục TTDL và các đơn vị liên quan trong việc xây dựng phương án, phiếu khảo sát; xây dựng các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ khảo sát; tổ chức tập huấn; kiểm tra, giám sát; nghiệm thu, làm sạch và hoàn thiện cơ sở dữ liệu; phối hợp với Vụ XHMT xây dựng mẫu biểu tổng hợp kết quả đầu ra, kiểm tra hệ biểu tổng hợp kết quả đầu ra, phân tích và chuẩn bị công bố kết quả khảo sát.

d) Vụ Kế hoạch tài chính: Chủ trì, phối hợp với Cục TTDL, Vụ XHMT, Vụ TKG dự trù kinh phí khảo sát; hướng dẫn sử dụng, quản lý và quyết toán kinh phí khảo sát.

đ) Văn phòng Tổng cục Thống kê: Phối hợp với Cục TTDL và các đơn vị liên quan tổ chức hội nghị tập huấn cấp trung ương, thực hiện công tác giám sát, biên soạn, phát hành báo cáo kết quả khảo sát.

e) Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê: Chủ trì tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, thanh tra, kiểm tra cuộc khảo sát theo kế hoạch được phê duyệt.

g) Cục Thống kê: Tổ chức, chỉ đạo toàn diện cuộc khảo sát trên địa bàn tỉnh từ khâu rà soát, cập nhật đơn vị khảo sát; tuyển chọn; tập huấn cho ĐTV, nhân trực viên và GSV; thu thập thông tin; giám sát, kiểm tra; phúc tra; nghiệm thu phiếu khảo sát...

X. KINH PHÍ VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN VẬT CHẤT CHO ĐIỀU TRA

Kinh phí KSMS 2024 do Ngân sách Nhà nước bảo đảm cho các hoạt động quy định trong Phương án này. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia; Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia và các quy định có liên quan.

Vụ Kế hoạch tài chính có trách nhiệm hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí điều tra theo đúng quy định của văn bản hiện hành.

Trong phạm vi dự toán được giao, Thủ trưởng các đơn vị được giao nhiệm vụ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện tốt cuộc KSMS 2024 theo đúng nội dung của Phương án điều tra, văn bản hướng dẫn của Tổng cục Thống kê và các chế độ tài chính hiện hành.

Các điều kiện vật chất khác: Sử dụng cơ sở hạ tầng sẵn có của ngành thống kê./.

PHỤ LỤC

Chọn mẫu KSMS 2024 và quyền số chỉ số giá tiêu dùng năm 2024

KSMS 2024 là cuộc điều tra mẫu được thiết kế theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng, cỡ mẫu gồm 72 054 hộ. Trong đó, 37 596 hộ để thu thập thông tin về thu nhập, nghèo đa chiều và chi mua/đổi hàng hóa/dịch vụ tiêu dùng để tính toán quyền số chỉ số giá tiêu dùng (viết gọn là hộ thu nhập và quyền số chỉ số giá tiêu dùng); 9 399 hộ được thu thập thông tin về thu nhập, nghèo đa chiều và chi tiêu (viết gọn là hộ thu nhập chi tiêu); và 25 059 hộ thu thập thông tin về chi mua/đổi hàng hóa/dịch vụ tiêu dùng để tính quyền số chỉ số giá tiêu dùng (viết gọn là hộ quyền số chỉ số giá tiêu dùng). Hộ khảo sát được chọn từ 4 177 địa bàn của Mẫu chủ 2019 theo phương pháp ngẫu nhiên hệ thống. Mẫu của KSMS 2024 gồm 2 nhóm mẫu, cụ thể như sau:

- Nhóm mẫu 1: Gồm 46 995 hộ dân cư được chọn từ 3 133 địa bàn của Khảo sát mức sống dân cư 2024, gồm 2 phần:

+ Phần 1- Có 37 596 hộ thu nhập và quyền số chỉ số giá tiêu dùng.

+ Phần 2- Có 9 399 hộ thu nhập chi tiêu.

- Nhóm mẫu 2: Gồm 25 059 hộ quyền số chỉ số giá tiêu dùng, gồm 2 phần:

+ Phần 1- Có 9 399 hộ quyền số chỉ số giá tiêu dùng được chọn trong 3 133 địa bàn của Khảo sát mức sống dân cư 2024, mỗi địa bàn chọn 3 hộ ngoài các hộ đã được chọn cho Mẫu 1.

+ Phần 2- Có 15 660 hộ quyền số chỉ số giá tiêu dùng được chọn trong 1 044 địa bàn (ngoài mẫu Khảo sát mức sống dân cư 2024) từ Mẫu chủ 2019, mỗi địa bàn chọn 15 hộ.

Mẫu khảo sát được thiết kế theo 2 giai đoạn:

- *Giai đoạn 1. Chọn địa bàn khảo sát*

Chọn 4 177 địa bàn khảo sát, cụ thể như sau:

+ Mẫu 1: Chọn 3 133 địa bàn, trong đó chia làm 4 nhóm:

(1) Nhóm 1 gồm 25% địa bàn được chọn lại từ các địa bàn đã được khảo sát chỉ trong Khảo sát mức sống dân cư năm 2022;

(2) Nhóm 2 gồm 25% địa bàn được chọn lại từ các địa bàn đã được khảo sát cả trong Khảo sát mức sống dân cư năm 2022 và 2023;

(3) Nhóm 3 gồm 25% địa bàn được chọn lại từ các địa bàn đã được khảo sát chỉ trong Khảo sát mức sống dân cư năm 2023;

(4) Nhóm 4 gồm 25% được chọn mới từ mẫu chủ.

+ Mẫu 2: Chọn 1 044 địa bàn từ Mẫu chủ 2019, không trùng địa bàn của Khảo sát mức sống dân cư 2024 .

- *Giai đoạn 2. Chọn hộ khảo sát*

+ Đối với địa bàn được chọn lại từ KSMS 2022, 2023: Chọn tất cả các hộ đã được khảo sát tương ứng với 3 nhóm mẫu (1), (2) và (3). Đối với trường hợp các hộ đã khảo sát không đủ 15 hộ một địa bàn thì chọn hộ bổ sung, thay thế theo nguyên tắc ngẫu nhiên hệ thống được hướng dẫn tại Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ KSMS 2024.

+ Đối với địa bàn được chọn mới: Chọn 20 hộ từ bảng kê danh sách các hộ của địa bàn được chọn (sau khi đã được cập nhật) theo phương pháp ngẫu nhiên hệ thống. Từ 20 hộ được chọn này, chọn 15 hộ chính thức (gồm: 12 hộ thu nhập và quyền sở hữu nhà ở giá tiêu dùng và 3 hộ thu nhập chi tiêu) và 5 hộ dự phòng, chi tiết về chọn mẫu được đề cập trong Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ KSMS 2024.

+ Đối với địa bàn thuộc Mẫu 2 Phần 1: Mỗi địa bàn chọn 3 hộ theo phương pháp ngẫu nhiên hệ thống ngoài các hộ đã được chọn cho Mẫu 1.

+ Đối với địa bàn thuộc Mẫu 2 Phần 2: Chọn 20 hộ từ bảng kê danh sách các hộ của 1 044 địa bàn được chọn (sau khi đã được cập nhật) theo phương pháp ngẫu nhiên hệ thống. Từ 20 hộ được chọn này, chọn 15 hộ chính thức và 5 hộ dự phòng.

Địa bàn và mẫu khảo sát được phân bổ cho 4 kỳ để tổ chức thu thập số liệu vào các tháng 2, 5, 8 và 11 năm 2024, cụ thể ở cấp độ toàn quốc như sau:

Thời gian khảo sát	Số địa bàn	Số hộ				
		Tổng số	Mẫu 1		Mẫu 2	
			Phần 1	Phần 2	Phần 1	Phần 2
Tổng số	4 177	72 054	37 596	9 399	9 399	15 660
<i>Chia ra:</i>						
Kỳ 1: Tháng 2/2024	1 306	24 291	9 408	2 352	2 352	7 830
Kỳ 2: Tháng 5/2024	783	11 745	9 396	2 349	2 349	
Kỳ 3: Tháng 8/2024	1 305	24 273	9 396	2 349	2 349	7 830
Kỳ 4: Tháng 11/2024	783	11 745	9 396	2 349	2 349	

Quy mô mẫu theo thành thị, nông thôn các tỉnh/TP và các loại mẫu cụ thể như sau:

	Thành thị				Nông thôn				Chung cả nước			
	Số hộ theo từng loại phiếu			Chung các loại mẫu	Số hộ theo từng loại phiếu			Chung các loại mẫu	Số hộ theo từng loại phiếu			Chung các loại mẫu
	Hộ TN-CT	Hộ TN và QS chỉ số giá TD	Hộ QS chỉ số giá TD		Hộ TN-CT	Hộ TN và QS chỉ số giá TD	Hộ QS chỉ số giá TD		Hộ TN-CT	Hộ TN và QS chỉ số giá TD	Hộ QS chỉ số giá TD	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Chung cả nước	2 826	11 304	8 076	22 206	6 573	26 292	16 983	49 848	9 399	37 596	25 059	72 054
Tỉnh/Thành Phố												
1-Thành phố Hà Nội	198	792	423	1 413	222	888	492	1 602	420	1 680	915	3 015
2-Tỉnh Hà Giang	21	84	81	186	84	336	294	714	105	420	375	900
4-Tỉnh Cao Bằng	27	108	72	207	75	300	195	570	102	408	267	777
6-Tỉnh Bắc Kạn	18	72	48	138	84	336	159	579	102	408	207	717
8-Tỉnh Tuyên Quang	18	72	48	138	96	384	276	756	114	456	324	894
10-Tỉnh Lào Cai	27	108	102	237	75	300	285	660	102	408	387	897
11-Tỉnh Điện Biên	21	84	96	201	81	324	156	561	102	408	252	762
12-Tỉnh Lai Châu	24	96	54	174	78	312	153	543	102	408	207	717
14-Tỉnh Sơn La	24	96	84	204	102	408	372	882	126	504	456	1 086
15-Tỉnh Yên Bái	27	108	87	222	87	348	222	657	114	456	309	879
17-Tỉnh Hoà Bình	21	84	66	171	93	372	288	753	114	456	354	924
19-Tỉnh Thái Nguyên	45	180	105	330	102	408	267	777	147	588	372	1 107
20-Tỉnh Lạng Sơn	24	96	84	204	84	336	264	684	108	432	348	888
22-Tỉnh Quảng Ninh	87	348	222	657	60	240	135	435	147	588	357	1 092

	Thành thị				Nông thôn				Chung cả nước			
	Số hộ theo từng loại phiếu			Chung các loại mẫu	Số hộ theo từng loại phiếu			Chung các loại mẫu	Số hộ theo từng loại phiếu			Chung các loại mẫu
	Hộ TN-CT	Hộ TN và QS chỉ số giá TD	Hộ QS chỉ số giá TD		Hộ TN-CT	Hộ TN và QS chỉ số giá TD	Hộ QS chỉ số giá TD		Hộ TN-CT	Hộ TN và QS chỉ số giá TD	Hộ QS chỉ số giá TD	
24-Tỉnh Bắc Giang	21	84	51	156	147	588	387	1 122	168	672	438	1 278
25-Tỉnh Phú Thọ	30	120	75	225	126	504	351	981	156	624	426	1 206
26-Tỉnh Vĩnh Phúc	36	144	111	291	99	396	279	774	135	540	390	1 065
27-Tỉnh Bắc Ninh	39	156	114	309	99	396	249	744	138	552	363	1 053
30-Tỉnh Hải Dương	39	156	99	294	144	576	309	1 029	183	732	408	1 323
31-Thành phố Hải Phòng	87	348	342	777	99	396	174	669	186	744	516	1 446
33-Tỉnh Hưng Yên	18	72	33	123	129	516	309	954	147	588	342	1 077
34-Tỉnh Thái Bình	18	72	48	138	171	684	351	1 206	189	756	399	1 344
35-Tỉnh Hà Nam	15	60	30	105	108	432	213	753	123	492	243	858
36-Tỉnh Nam Định	36	144	96	276	159	636	354	1 149	195	780	450	1 425
37-Tỉnh Ninh Bình	27	108	72	207	102	408	267	777	129	516	339	984
38-Tỉnh Thanh Hóa	36	144	111	291	210	840	390	1 440	246	984	501	1 731
40-Tỉnh Nghệ An	36	144	96	276	189	756	429	1 374	225	900	525	1 650
42-Tỉnh Hà Tĩnh	27	108	57	192	123	492	318	933	150	600	375	1 125
44-Tỉnh Quảng Bình	27	108	87	222	93	372	213	678	120	480	300	900
45-Tỉnh Quảng Trị	30	120	90	240	72	288	207	567	102	408	297	807
46-Tỉnh Thừa Thiên Huế	57	228	207	492	78	312	228	618	135	540	435	1 110
48-Thành phố Đà Nẵng	108	432	228	768	15	60	45	120	123	492	273	888

	Thành thị				Nông thôn				Chung cả nước			
	Số hộ theo từng loại phiếu			Chung các loại mẫu	Số hộ theo từng loại phiếu			Chung các loại mẫu	Số hộ theo từng loại phiếu			Chung các loại mẫu
	Hộ TN-CT	Hộ TN và QS chỉ số giá TD	Hộ QS chỉ số giá TD		Hộ TN-CT	Hộ TN và QS chỉ số giá TD	Hộ QS chỉ số giá TD		Hộ TN-CT	Hộ TN và QS chỉ số giá TD	Hộ QS chỉ số giá TD	
49-Tỉnh Quảng Nam	39	156	99	294	120	480	345	945	159	636	444	1 239
51-Tỉnh Quảng Ngãi	24	96	69	189	123	492	333	948	147	588	402	1 137
52-Tỉnh Bình Định	51	204	141	396	111	444	306	861	162	648	447	1 257
54-Tỉnh Phú Yên	33	132	93	258	90	360	270	720	123	492	363	978
56-Tỉnh Khánh Hòa	57	228	192	477	81	324	201	606	138	552	393	1 083
58-Tỉnh Ninh Thuận	39	156	144	339	63	252	213	528	102	408	357	867
60-Tỉnh Bình Thuận	54	216	174	444	81	324	261	666	135	540	435	1 110
62-Tỉnh Kon Tum	33	132	123	288	69	276	219	564	102	408	342	852
64-Tỉnh Gia Lai	45	180	150	375	96	384	261	741	141	564	411	1 116
66-Tỉnh Đắk Lắk	48	192	108	348	117	468	162	747	165	660	270	1 095
67-Tỉnh Đắk Nông	15	60	135	210	87	348	117	552	102	408	252	762
68-Tỉnh Lâm Đồng	57	228	162	447	84	336	264	684	141	564	426	1 131
70-Tỉnh Bình Phước	21	84	51	156	99	396	249	744	120	480	300	900
72-Tỉnh Tây Ninh	24	96	69	189	111	444	321	876	135	540	390	1 065
74-Tỉnh Bình Dương	114	456	309	879	63	252	228	543	177	708	537	1 422
75-Tỉnh Đồng Nai	72	288	222	582	135	540	375	1 050	207	828	597	1 632
77-Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	63	252	183	498	69	276	189	534	132	528	372	1 032
79-Thành phố Hồ Chí Minh	291	1 164	741	2 196	60	240	180	480	351	1 404	921	2 676

	Thành thị				Nông thôn				Chung cả nước			
	Số hộ theo từng loại phiếu			Chung các loại mẫu	Số hộ theo từng loại phiếu			Chung các loại mẫu	Số hộ theo từng loại phiếu			Chung các loại mẫu
	Hộ TN-CT	Hộ TN và QS chỉ số giá TD	Hộ QS chỉ số giá TD		Hộ TN-CT	Hộ TN và QS chỉ số giá TD	Hộ QS chỉ số giá TD		Hộ TN-CT	Hộ TN và QS chỉ số giá TD	Hộ QS chỉ số giá TD	
80-Tỉnh Long An	27	108	87	222	129	516	354	999	156	624	441	1 221
82-Tỉnh Tiền Giang	24	96	84	204	147	588	372	1 107	171	684	456	1 311
83-Tỉnh Bến Tre	15	60	45	120	138	552	363	1 053	153	612	408	1 173
84-Tỉnh Trà Vinh	21	84	66	171	108	432	318	858	129	516	384	1 029
86-Tỉnh Vĩnh Long	24	96	69	189	111	444	306	861	135	540	375	1 050
87-Tỉnh Đồng Tháp	30	120	90	240	138	552	363	1 053	168	672	453	1 293
89-Tỉnh An Giang	54	216	159	429	132	528	357	1 017	186	744	516	1 446
91-Tỉnh Kiên Giang	45	180	150	375	117	468	357	942	162	648	507	1 317
92-Thành phố Cần Thơ	93	372	153	618	45	180	120	345	138	552	273	963
93-Tỉnh Hậu Giang	30	120	150	300	81	324	126	531	111	444	276	831
94-Tỉnh Sóc Trăng	48	192	153	393	96	384	291	771	144	576	444	1 164
95-Tỉnh Bạc Liêu	33	132	93	258	81	324	246	651	114	456	339	909
96-Tỉnh Cà Mau	33	132	93	258	105	420	285	810	138	552	378	1 068